

Số: 3353/2026/QĐST-HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 2588/2026/TLST-VHNGĐ ngày 16/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Phạm Ngọc Y**, sinh năm 1995, CCCD số: 089195000074

HKTT: Căn hộ 4.6 **Chung Cư B đường Đ, Khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Nơi cư trú: **Căn hộ B Chung cư S, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Ông **Osipov M**, sinh năm 1985 tại **Liên bang N**, Quốc tịch: **Liên bang N**

Hộ chiếu số: 551319417 (Số hộ chiếu cũ: 750783196)

HKTT: **Sofiyskaya S, 40 B, A, S, Liên bang N.**

Nơi cư trú: **B, C, E N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người phiên dịch: Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 2004; Nơi cư trú: **1 N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 238 do **UBND quận B**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2019 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà **Phạm Ngọc Y** và ông **Osipov M** là hợp pháp. Bà **Y** và ông **M** cùng yêu cầu thuận tình ly hôn.

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ việc là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành (30/7/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Ngọc Y** và ông **Osipov M** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 238 do **UBND quận B**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2019 hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà **Phạm Ngọc Y** và ông **Osipov M** phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0035954 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Y** và ông **Osipov M** đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 5, TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 5, TP.HCM;
- UBND phường Bình Thạnh, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Minh Thúy